

Số: /TB-BVSNBN1

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

## THÔNG BÁO

Về việc mời báo giá hàng hoá Mua sắm, lắp đặt điều hoà cho các khoa, phòng của Bệnh viện

Kính gửi: Các Công ty/đơn vị cung cấp hàng hoá

Hiện tại, Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1 đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp “Mua sắm, lắp đặt điều hoà cho các khoa phòng của Bệnh viện”, với nội dung cụ thể như sau:

### I- Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản-Nhi Bắc Ninh số 1
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đ/c Luân, Phòng Hành chính quản trị, Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1. (Số điện thoại: 0977 596 115).
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Sản -Nhi Bắc Ninh số 1, đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.
  - Nhận qua email: [phonghanhchinhquantribvsn@gmail.com](mailto:phonghanhchinhquantribvsn@gmail.com).
- Địa điểm phát hành thông báo:
  - Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia: Website <https://muasamcong.mpi.gov.vn>
  - Trang Thông tin điện tử Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1: Website <http://benhviensannhibacninhso1.vn>
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: đến trước 16 giờ 00 phút ngày 23 tháng 6 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

### II - Nội dung yêu cầu báo giá:

- Báo giá hàng hoá thuộc danh mục gói thầu: “Mua sắm, lắp đặt điều hoà cho các khoa phòng của Bệnh viện”(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).
  - Giá đã bao gồm thuế VAT theo quy định, chi phí lắp đặt, cài đặt, chi phí vận chuyển, bảo hành hàng hóa, hướng dẫn sử dụng, chi phí trọn gói để thực hiện gói thầu, Bệnh viện không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày ký.
- Thông tin khác: Đề nghị các Công ty/đơn vị báo giá theo mẫu phụ lục đính kèm Hồ sơ báo giá của các nhà cung cấp sẽ là căn cứ để Bệnh viện làm cơ sở tổ chức lựa

chọn đơn vị cung cấp “Mua sắm, lắp đặt điều hoà cho các khoa phòng của Bệnh viện”.

Rất mong nhận được sự quan tâm tham gia của Quý Công ty/đơn vị./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Phòng CTXH (để đăng tải);
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Lưu: VT, TC-KT, HCQT<sub>(Tuyệt)</sub>

**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Trường Giang**

**PHỤ LỤC  
DANH MỤC MỜI BÁO GIÁ**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BVSNBN1 ngày tháng năm 2026)

ĐVT: VNĐ

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng cơ bản của hàng hoá	Model	Hãng, Nước sản xuất/Năm sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã có VAT)	Thành tiền (Đã có VAT)
1	Điều hoà treo tường 1 chiều 12.000BTU	<p>Loại điều hòa 1 chiều lạnh. Công nghệ inverter tiết kiệm điện</p> <p>Công suất danh định <math>\geq 3,5</math> Kw</p> <p>Dòng điện hoạt động định mức <math>\geq 4,8</math> (A)</p> <p>Điện năng tiêu thụ định mức <math>\leq 1.240</math> W</p> <p>Hiệu suất năng lượng CSPF <math>\geq 5,1</math> (kWh/kWh) (5★)</p> <p>Chiều dài ống tối đa: 15m</p> <p>Chênh lệch độ cao tối đa: 12m</p> <p>Có chức năng kiểm soát độ ẩm hoặc chế độ hút ẩm hoặc cảm biến độ ẩm</p> <p>Có phin lọc bụi mịn PM2.5 hoặc công nghệ lọc bụi mịn tương đương hoặc tốt hơn.</p> <p><b>* Dàn lạnh</b></p> <p>- Lưu lượng gió dàn lạnh Max <math>\geq 10,7</math> (m<sup>3</sup>/ph)</p> <p>- Tốc độ quạt dàn lạnh <math>\geq 3</math> cấp</p> <p>- Độ ồn dàn lạnh Max <math>\leq 37</math> dB(A); Min <math>\leq 21</math> dB(A)</p> <p><b>* Dàn nóng</b></p> <p>- Máy nén inverter theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất</p> <p>- Môi chất lạnh R32 hoặc R410a</p> <p>-Độ ồn Max <math>\leq 48</math> db(A)</p> <p>*Máy đã bao gồm: Vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh máy ĐHKK, nhân công lắp máy mới, tháo máy cũ (tham khảo khối lượng vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh 01 bộ máy lạnh)</p>			Bộ	3		

2	Điều hoà treo tường 1 chiều 24.000BTU	Loại điều hòa 1 chiều lạnh. Công nghệ inverter tiết kiệm điện			Bộ	6		
		Công suất danh định $\geq 6,2$ Kw						
		Dòng điện hoạt động định mức: $\geq 8,0$ (A)						
		Điện năng tiêu thụ định mức $\leq 2.230$ W						
		Hiệu suất năng lượng CSPF $\geq 5,7$ (kWh/kWh)						
		Chiều dài ống tối đa: 30m						
		Chênh lệch độ cao tối đa: 20m						
		Có chức năng kiểm soát độ ẩm hoặc chế độ hút ẩm hoặc cảm biến độ ẩm						
		Có phin lọc bụi mịn PM2.5 hoặc công nghệ lọc bụi mịn tương đương hoặc tốt hơn.						
		<b>* Dàn lạnh</b>						
		- Lưu lượng gió dàn lạnh Max $\geq 18,8$ (m <sup>3</sup> /ph)						
		- Tốc độ quạt dàn lạnh $\geq 3$ cấp						
		- Độ ồn dàn lạnh Max $\leq 45$ dB(A); Min $\leq 29$ dB(A)						
		<b>* Dàn nóng</b>						
		- Máy nén inverter theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất						
- Môi chất lạnh R32 hoặc R410a								
- Độ ồn Max $\leq 52$ dB(A)								
*Máy đã bao gồm: Vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh máy ĐHKK, nhân công lắp máy mới, tháo máy cũ (tham khảo khối lượng vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh 01 bộ máy lạnh)								
3	Điều hoà treo tường 2 chiều 24.000BTU	Loại điều hòa 2 chiều. Công nghệ inverter tiết kiệm điện			Bộ	23		
		Công suất lạnh danh định $\geq 7,0$ Kw						
		Công suất sưởi danh định $\geq 7,0$ Kw						
		Dòng điện hoạt động định mức (chiều lạnh/ sưởi) $\geq 10 / 9,5$ (A)						
		Điện năng tiêu thụ định mức (chiều lạnh/ sưởi): $\leq 2400 / 2400$ W						

		Hiệu suất năng lượng CSPF chiều lạnh $\geq 5,6$ (kWh/kWh) (5★) Chiều dài ống tối đa: 30m Chênh lệch độ cao tối đa: 20 m Có chức năng kiểm soát độ ẩm hoặc chế độ hút ẩm hoặc cảm biến độ ẩm Có phin lọc bụi mịn PM2.5 hoặc công nghệ lọc bụi mịn tương đương hoặc tốt hơn. <b>* Dàn lạnh</b> - Lưu lượng gió Max $\geq 18,7$ (m <sup>3</sup> /ph) - Tốc độ quạt $\geq 3$ cấp - Độ ồn chiều lạnh Max $\leq 47$ dB(A); <b>* Dàn nóng</b> - Máy nén inverter theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất - Môi chất lạnh R32 hoặc R410a -Độ ồn chiều lạnh Max $\leq 53$ dB(A) *Máy đã bao gồm: Vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh máy ĐHKK, nhân công lắp máy mới, tháo máy cũ (tham khảo khối lượng vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh 01 bộ máy lạnh)					
4	Điều hoà treo tường 1 chiều 18.000BTU	Loại điều hòa 1 chiều lạnh. Công nghệ inverter tiết kiệm điện Công suất danh định $\geq 5,3$ Kw Dòng điện hoạt động định mức: $\geq 8,7$ (A) Điện năng tiêu thụ định mức $\leq 1.850$ W Hiệu suất năng lượng CSPF $\geq 5,0$ (kWh/kWh) Chiều dài ống tối đa: 30m Chênh lệch độ cao tối đa: 20m Có chức năng kiểm soát độ ẩm hoặc chế độ hút ẩm hoặc cảm biến độ ẩm Có phin lọc bụi mịn PM2.5 hoặc công nghệ lọc bụi mịn tương đương hoặc tốt hơn <b>* Dàn lạnh</b>			Bộ	2	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng gió dàn lạnh Max <math>\geq 12,0</math> (m<sup>3</sup>/ph)</li> <li>- Tốc độ quạt dàn lạnh <math>\geq 3</math> cấp</li> <li>- Độ ồn dàn lạnh Max <math>\leq 45</math> dB(A); Min <math>\leq 25</math> dB(A)</li> <li><b>* Dàn nóng</b></li> <li>- Máy nén inverter theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất</li> <li>- Môi chất lạnh R32 hoặc R410a</li> <li>- Độ ồn Max <math>\leq 50</math> dB(A)</li> <li>*Máy đã bao gồm: Vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh máy ĐHKK, nhân công lắp máy mới, tháo máy cũ (tham khảo khối lượng vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh 01 bộ máy lạnh)</li> </ul>					
5	Điều hoà treo tường 2 chiều 18.000BTU	<ul style="list-style-type: none"> <li>Loại điều hòa 2 chiều. Công nghệ inverter tiết kiệm điện</li> <li>Công suất lạnh danh định <math>\geq 5,0</math> Kw</li> <li>Công suất sưởi danh định <math>\geq 5,2</math> Kw</li> <li>Dòng điện hoạt động định mức (chiều lạnh/ sưởi) <math>\geq 6,1/6,1</math> (A)</li> <li>Điện năng tiêu thụ định mức (chiều lạnh/ sưởi): <math>\leq 1,420/1,350</math> W</li> <li>Hiệu suất năng lượng CSPF chiều lạnh <math>\geq 6,3</math> (kWh/kWh) (5★)</li> <li>Chiều dài ống tối đa: 30 m</li> <li>Chênh lệch độ cao tối đa: 15 m</li> <li>Có chức năng kiểm soát độ ẩm hoặc chế độ hút ẩm hoặc cảm biến độ ẩm</li> <li>Có phin lọc bụi mịn PM2.5 hoặc công nghệ lọc bụi mịn tương đương hoặc tốt hơn</li> <li><b>* Dàn lạnh</b></li> <li>- Lưu lượng gió chiều lạnh: Max <math>\geq 17</math> (m<sup>3</sup>/ph)</li> <li>- Tốc độ quạt <math>\geq 3</math> cấp</li> <li>- Độ ồn chiều lạnh Max <math>\leq 44</math> dB(A);</li> <li><b>* Dàn nóng</b></li> <li>Máy nén inverter theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất</li> <li>-Môi chất lạnh R32 hoặc R410a</li> <li>-Độ ồn chiều lạnh Max <math>\leq 50</math> dB(A)</li> </ul>			Bộ	22	

		*Máy đã bao gồm: Vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh máy ĐHKK, nhân công lắp máy mới, tháo máy cũ (tham khảo khối lượng vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh 01 bộ máy lạnh)					
6	Điều hoà treo tường 2 chiều 12.000BTU	<p>Loại điều hòa 2 chiều. Công nghệ inverter tiết kiệm điện</p> <p>Công suất lạnh danh định <math>\geq 3,5</math> Kw</p> <p>Công suất sưởi danh định <math>\geq 3,6</math> Kw</p> <p>Dòng điện hoạt động định mức (chiều lạnh/ sưởi) <math>\geq 5,1/5,0</math> (A)</p> <p>Điện năng tiêu thụ định mức (chiều lạnh/ sưởi): <math>\leq 1,080/1,075</math> W</p> <p>Hiệu suất năng lượng CSPF chiều lạnh <math>\geq 5,7</math> (kWh/kWh) (5★)</p> <p>Chiều dài ống tối đa: 15m</p> <p>Chênh lệch độ cao tối đa: 15m</p> <p>Có chức năng kiểm soát độ ẩm hoặc chế độ hút ẩm hoặc cảm biến độ ẩm</p> <p>Có phin lọc bụi mịn PM2.5 hoặc công nghệ lọc bụi mịn tương đương hoặc tốt hơn.</p> <p><b>* Dàn lạnh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng gió chiều lạnh: Max <math>\geq 11</math> (m<sup>3</sup>/ph)</li> <li>- Tốc độ quạt <math>\geq 3</math> cấp</li> <li>- Độ ồn chiều lạnh Max <math>\leq 42</math> dB(A); Min <math>\leq 25</math> dB(A)</li> </ul> <p><b>* Dàn nóng</b></p> <p>Máy nén inverter theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi chất lạnh R32 hoặc R410a</li> <li>-Độ ồn chiều lạnh Max <math>\leq 50</math> dB(A)</li> </ul> <p>*Máy đã bao gồm: Vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh máy ĐHKK, nhân công lắp máy mới, tháo máy cũ (tham khảo khối lượng vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh 01 bộ máy lạnh)</p>			Bộ	56	
7	Điều hoà treo tường 2 chiều 9.000BTU	<p>Loại điều hòa 2 chiều. Công nghệ inverter tiết kiệm điện</p> <p>Công suất lạnh danh định <math>\geq 2,6</math> Kw</p> <p>Công suất sưởi danh định <math>\geq 2,7</math> Kw</p> <p>Dòng điện hoạt động định mức (chiều lạnh/ sưởi): <math>\geq 3.2/3.3</math> (A)</p>			Bộ	4	

		Điện năng tiêu thụ định mức (chiều lạnh/ sưởi): $\leq 700/760$ W Hiệu suất năng lượng CSPF chiều lạnh $\geq 6,4$ (kWh/kWh) (5★) Chiều dài ống tối đa: 15m Chênh lệch độ cao tối đa: 12m Có chức năng kiểm soát độ ẩm hoặc chế độ hút ẩm hoặc cảm biến độ ẩm Có phin lọc bụi mịn PM2.5 hoặc công nghệ lọc bụi mịn tương đương hoặc tốt hơn. <b>* Dàn lạnh</b> - Lưu lượng gió chiều lạnh: $\text{Max} \geq 9,9$ (m <sup>3</sup> /ph) - Tốc độ quạt $\geq 3$ cấp - Độ ồn chiều lạnh $\text{Max} \leq 41$ dB(A) <b>* Dàn nóng</b> Máy nén inverter theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất -Môi chất lạnh R32 hoặc R410a -Độ ồn chiều lạnh $\text{Max} \leq 50$ dB(A) *Máy đã bao gồm: Vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh máy ĐHKK, nhân công lắp máy mới, tháo máy cũ (tham khảo khối lượng vật tư, phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh 01 bộ máy lạnh)					
8	Quạt làm mát công nghiệp	Loại quạt hơi nước công nghiệp Dung tích bình nước 260 lít Diện tích làm mát 120 m <sup>2</sup> - 150 m <sup>2</sup> Lượng nước tiêu thụ 5 - 10 lít/giờ Chất liệu vỏ nhựa cao cấp <b>Tính năng làm mát</b> Tốc độ gió 3 tốc tốc Lưu lượng gió $\geq 22.500$ m <sup>3</sup> /giờ Hướng gió thổi lên Mức tiêu thụ điện năng $\leq 1.500$ W Các phụ kiện đi kèm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất			Chiếc	4	
<b>Tổng cộng: 08 khoản</b>							

## DANH MỤC VẬT TƯ, PHỤ KIỆN DỰ KIẾN LẮP ĐẶT 01 BỘ MÁY ĐIỀU HOÀ TREO TƯỜNG

(Khối lượng vật tư tại bảng này chỉ mang tính tham khảo. Nhà thầu phải khảo sát hiện trạng và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ vật tư, phụ kiện cần thiết để hệ thống vận hành hoàn chỉnh, không phát sinh chi phí trong quá trình thực hiện hợp đồng)

Stt	Danh mục vật tư, phụ kiện lắp đặt	Đơn vị tính	Số lượng
1	Ống đồng dẫn hơi phù hợp theo hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất	Mét	10
2	Ống đồng dẫn lỏng phù hợp theo hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất	Mét	10
3	Ống bảo ôn có đường kính trong phù hợp với ống đồng dẫn lỏng và ống đồng dẫn hơi	Mét	20
4	Dây điện cấp nguồn phù hợp với công suất thiết bị và theo hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất	Mét	10
5	Dây điện cấp nguồn, dây điều khiển và dây tiếp địa phù hợp theo hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất	Mét	11
6	Ống nhựa PVC thoát nước $\Phi 27\text{mm}$ , dày $\geq 1,6\text{mm}$ bọc bảo ôn dày $\geq 13\text{mm}$	Mét	8
7	Giá/ khung đỡ dàn nóng	Bộ	1
8	Aptomat + hộp phù hợp công suất thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất	Cái	1
9	Vật tư phụ (gas bổ sung, ty treo ống, simili, silicon, đinh, buloong, ốc, vít, tắc kê, băng keo, đầu cos, dây rút, ...) (nếu có)	Bộ	1

### **Yêu cầu khác:**

- Hàng hóa mới 100%. Sản xuất từ năm 2025 trở về sau. Có tem năng lượng theo quy định hiện hành.
- Giao hàng, lắp đặt, cài đặt tại các khoa, phòng của Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1.
- Trong quá trình giao hàng và nghiệm thu hàng hóa nếu hàng bị lỗi kỹ thuật và lỗi do nhà sản xuất hoặc hàng bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển hàng hóa thì trong vòng 05 ngày nhà thầu phải đổi trả hàng khác cho Bệnh viện.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian bảo hành thiết bị tối thiểu 24 tháng, Bảo hành máy nén tối thiểu 60 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Thời gian khắc phục sự cố không quá 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của chủ đầu tư trong thời gian bảo hành.
- Giá đã bao gồm thuế VAT theo quy định, chi phí vận chuyển, bàn giao, bảo hành hàng hóa, hướng dẫn sử dụng, chi phí trọn gói để thực hiện gói thầu, Bệnh viện không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm./.